BÀI TẬP CUỐI TUẦN TOÁN 4
TUẦN 5

Họ và tên: _____ Lớp: _____

I.TRẮC NGHIỆM:

Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Câu 1. Số gồm 6 trăm nghìn, 3 chục nghìn, 0 nghìn, 4 tră m, 2 chục, 7 đơn vị là:

A. 630427 B. 360427 C. 6030427 D.6003427

Câu 2. Số liền sau của số 99 999 là:

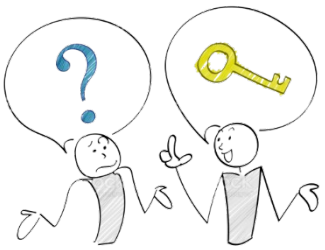

A. 99 998 B. 99 9910 C. 100 000 D. 99 100

Câu 3. Giá trị chữ số 3 trong số 132 456 là:

A. 300 B. 3000 C. 30 D. 30 000

Câu 4. Chữ số 2 ở số 345 234 thuộc hàng nào? Lớp nào?

A. hàng chục,lớp chục

B.hàng trăm, lớp đơn vị

C. hàng trăm, lớp trăm

Câu 5. Trong các số: 567 312; 567 213; 576 321; 612 537. Số lớn nhất là:

A. **567 312** B. **567 213** C. **576 321** D. 612 537

Câu 6. Số 1 trăm triệu có mấy chữ số 0 tận cùng?

A. 5 B. 6 C. 7 D. 8

Câu 7. Số bé nhất có sáu chữ số là:

A. 111111 B. 100000 C. 999999 D.899999

Câu 8. Từ các chữ số 3,1,4 lập được tất cả bao nhiêu số có ba chữ số khác nhau?

A. 6 B. 5 C. 4 D.2

II. TỰ LUẬN

Bài 1: Đọc các số sau:; 54 567 667; 34 456 678; 54 567 345

830 678 456: .....

54 567 667: .....

34 456 678: .....

54 567 345: .....

Bài 2. Tìm m. Biết

a, 45 67m < 45 671

.....

.....

.....

b, 27m 569 > 278 569

.....

.....

.....

Bài 3:Tìm x. Biết x là số tròn chục thoả mãn:

x < 50

.....

.....

.....

33 < x < 77

.....

.....

.....

Bài 4: Từ các chữ số 5; 0; 3; 8 hãy viết tất cả các số có bốn chữ số được làm tròn đến hàng chục.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐÁP ÁN

BÀI TẬP CUỐI TUẦN TOÁN 4 TUẦN 5

Họ và tên: _____ Lớp: _____

I.TRẮC NGHIỆM:

Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Câu 1. Số gồm 6 trăm nghìn, 3 chục nghìn, 0 nghìn, 4 trăm, 2 chục, 7 đơn vị là:

A. 630427 B. 360427 C. 6030427 D.6003427

Câu 2. Số liền sau của số 99 999 là:

A. 99 998 B. 99 9910 C. 100 000 D. 99 100

Câu 3. Giá trị chữ số 3 trong số 132 456 là:

A. 300 B. 3000 C. 30 D. 30 000

Câu 4. Chữ số 2 ở số 345 234 thuộc hàng nào? Lớp nào?

A. hàng chục,lớp chục B.hàng trăm, lớp đơn vị C. hàng trăm, lớp trăm

Câu 5. Trong các số: 567 312; 567 213; 576 321; 612 537. Số lớn nhất là:

A. **567 312** B. **567 213** C. **576 321** D. **612 537**

Câu 6. Số 1 trăm triệu có mấy chữ số 0 tận cùng?

A. 5 B. 6 C. 7 D. 8

Câu 7. Số bé nhất có sáu chữ số là:

A. 111111 B. 100000 C. 999999 D.899999

Câu 8. Từ các chữ số 3,1,4 lập được tất cả bao nhiêu số có ba chữ số khác nhau?

A. 6 B. 5 C. 4 D.2

II. TỰ LUẬN:

830 678 456: Tám trăm ba mươi triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn bốn trăm năm mươi sáu.

54 567 667: Năm mươi tư triệu năm trăm sáu mươi bảy nghìn sáu trăm sáu mươi bảy.

34 456 678: Ba mươi tư triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn sáu trăm bảy mươi tám.

54 567 345: Năm mươi tư triệu năm trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm bốn mươi lăm.

Bài 2. Tìm m. Biết

a, 45 67m < 45 671

Vì m < 1 nên m = 0

b, 27m 569 > 278 569

vì m > 8 và m< 10 nên m = 9

Bài 3:Tìm x. Biết x là số tròn chục thoả mãn:

x < 50

X = 10, 20, 30, 40

33 < x < 77

X = 40, 50, 60, 70

Bài 4: Từ các chữ số 5; 0; 3; 8 hãy viết tất cả các số có bốn chữ số được làm tròn đến hàng chục.

Bài giải

Các số có bốn chữ số từ bốn chữ số trên, được làm tròn đến hàng chục là:

5380 ; 5830,

8350; 8530
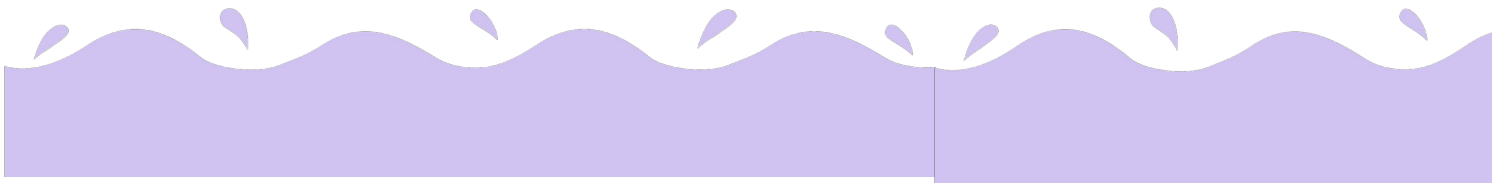
3580; 3850